

Bài 51 et êt it.....**I MỤC TIÊU**

Giúp HS:

- Nhận biết và đọc đúng các vần *et, êt, it*; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu, đoạn có các vần *et, êt, it*; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.
- Viết đúng các vần *et, êt, it* (cỡ chữ vừa); các tiếng, từ ngữ chứa những vần này.
- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa các vần *et, êt, it* có trong bài học.
- Phát triển kĩ năng nói về thời tiết (nóng, lạnh) thể hiện qua trang phục hoặc cảnh sắc thiên nhiên.
- Phát triển kĩ năng quan sát, nhận biết các loài lông vũ nhỏ, gắn gũi với con người như vịt, vẹt, én, ..., hay nhận biết về cảnh sắc của mùa xuân với những "tín hiệu" sinh học từ loài cây đặc trưng cho mùa này (cây đào) và suy đoán nội dung tranh minh họa: 1. Đôi vẹt trên cành cây đang "nói chuyện" với nhau; 2. Sự thức dậy của mùa xuân qua những báo hiệu từ cây đào đâm chồi, nảy lộc, nở hoa và đàn én nhỏ từ nơi tránh rét bay về.
- Cảm nhận được tình cảm bạn bè thông qua hình ảnh các loài chim riu rít bên nhau, rèn luyện sự tự tin khi phải trình bày (nói, hát, ...) trước đám đông.

II CHUẨN BỊ

- Nắm vững đặc điểm phát âm; cấu tạo và cách viết các vần *et, êt, it*, hiểu rõ nghĩa của một số từ ngữ trong bài học và cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này.
- *Mùa xuân*: là khoảng thời gian từ tháng 1 đến tháng 3 âm lịch, tiết trời ấm áp, cây cối đâm chồi nảy lộc, hoa đua nở, và đặc biệt là các loài chim di cư như én đi tránh rét ở phương nam sẽ trở về.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**TIẾT 1****1. Khởi động**

Khởi động để tạo tâm thế cho giờ học đầu tuần.

2. Nhận biết

- HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi *Em thấy gì trong tranh?* Một số (2 – 3) HS trả lời.
- GV nói câu thuyết minh (nhận biết) dưới tranh và HS nói theo. GV cũng có thể đọc thành tiếng câu nhận biết và yêu cầu HS đọc theo. GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thì dừng lại để HS đọc theo. GV và HS lặp lại câu nhận biết một số lần: *Đôi vệt/ đậu trên cành,/ riu rít/ mãi không hết chuyện.*
- GV giới thiệu các vần mới *et, êt, it*. Viết tên bài lên bảng.

3. Đọc

a. Đọc vần

- So sánh các vần
 - + GV giới thiệu vần *et, êt, it*.
 - + Một số (2 – 3) HS so sánh vần *êt, it* với *et* để tìm ra điểm giống và khác nhau. GV nhắc lại điểm giống và khác nhau giữa các vần.
- Đánh vần các vần
 - + GV đánh vần mẫu các vần *et, êt, it*.
 - + Một số (4 – 5) HS nối tiếp nhau đánh vần. Mỗi HS đánh vần cả 3 vần.
 - + Lớp đánh vần đồng thanh 3 vần một lần.
- Đọc trơn các vần.
 - + Một số (4 – 5) HS nối tiếp đọc trơn vần. Mỗi HS đọc trơn cả 3 vần.
 - + Lớp đọc trơn đồng thanh 3 vần một lần.
- Ghép chữ cái tạo vần
 - + HS tìm chữ cái trong bộ thẻ chữ để ghép thành vần *et*.
 - + HS tháo chữ *e*, ghép *ê* vào để tạo thành *êt*.
 - + HS tháo chữ *ê*, ghép *i* vào để tạo thành *it*.
- Lớp đọc đồng thanh *et, êt, it* một số lần.

b. Đọc tiếng

- Đọc tiếng mẫu
 - + GV giới thiệu mô hình tiếng *vết*. GV khuyến khích HS vận dụng mô hình các tiếng đã học để nhận biết mô hình và đọc thành tiếng *vết*.
 - + Một số (4 – 5) HS đánh vần tiếng *vết* (*vờ – êt – vết – nặng – vết*). Lớp đánh vần đồng thanh tiếng *vết*.
 - + Một số (4 – 5) HS đọc trơn tiếng *vết*. Lớp đọc trơn đồng thanh tiếng *vết*.
- Đọc tiếng trong SHS
 - + Đánh vần tiếng. GV đưa các tiếng có trong SHS. Mỗi HS đánh vần một tiếng nối tiếp nhau một lượt (số HS đánh vần tương ứng với số tiếng). Lớp đánh vần mỗi tiếng một lần.

- + Đọc trơn tiếng. Mỗi HS đọc trơn một tiếng nối tiếp nhau, hai lượt. Mỗi HS đọc trơn các tiếng chứa một vần. Lớp đọc trơn đồng thanh một lần tất cả các tiếng.
- Ghép chữ cái tạo tiếng
 - + HS tự tạo các tiếng có chứa vần *et, êt, it*.
 - + GV yêu cầu 1 – 2 HS phân tích tiếng, 1 – 2 HS nêu lại cách ghép.
 - + Lớp đọc trơn đồng thanh những tiếng mới ghép được.

c. Đọc từ ngữ

- GV lần lượt đưa tranh minh hoạ cho từng từ ngữ: *con vệt, bở kết, quả mít*. Sau khi đưa tranh minh hoạ cho mỗi từ ngữ, chẳng hạn *con vệt*, GV nêu yêu cầu nói tên sự vật trong tranh. GV cho từ ngữ *con vệt* xuất hiện dưới tranh. HS nhận biết tiếng chứa vần *et* trong *con vệt*, phân tích và đánh vần tiếng *vệt*, đọc trơn từ ngữ *con vệt*. GV thực hiện các bước tương tự đối với *bở kết, quả mít*.
- HS đọc trơn nối tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ. 3 – 4 lượt HS đọc. 2 – 3 HS đọc trơn các từ ngữ. Lớp đọc đồng thanh một số lần.

d. Đọc lại các tiếng, từ ngữ

Từng nhóm và sau đó cả lớp đọc đồng thanh một lần.

4. Viết bảng

- GV đưa mẫu chữ viết các vần *et, êt, it*.
- GV viết mẫu, vừa viết vừa nêu quy trình và cách viết các vần *et, êt, it*.
- HS viết vào bảng con: *et, êt, it* và *vệt, kết, mít* (chữ cỡ vừa). HS có thể chỉ viết 2 vần *êt* và *it* vì trong *êt* đã có *et*.
- HS nhận xét bài của bạn.
- GV nhận xét, đánh giá và sửa lỗi chữ viết cho HS.

5. Viết vở

- HS viết vào vở *Tập viết 1, tập một* các vần *et, êt, it*; từ ngữ *bở kết, quả mít*.
- GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.
- GV nhận xét và sửa bài viết của một số HS.

6. Đọc đoạn

- GV đọc mẫu cả đoạn.
- HS đọc thầm và tìm các tiếng có vần *et, êt, it*.
- Một số (4 – 5) HS đọc trơn các tiếng mới. Mỗi HS đọc một hoặc tất cả các tiếng (với lớp đọc yếu, GV cho HS đánh vần tiếng rồi mới đọc). Từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh những tiếng có vần *et, êt, it* trong đoạn văn một số lần.
- GV yêu cầu HS xác định số câu trong đoạn văn. Một số HS đọc thành tiếng nối tiếp từng câu (mỗi HS một câu), khoảng 1 – 2 lần. Sau đó từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh một lần.

- Một số (2 – 3) HS đọc thành tiếng cả đoạn.
- HS trả lời câu hỏi về nội dung đoạn văn:
 - + Thời tiết được miêu tả như thế nào?
 - + Máy cày đào được miêu tả như thế nào?
 - + Khi trời ấm, điều gì sẽ xảy ra?
- GV và HS thống nhất câu trả lời.

7. Nói theo tranh

- HS quan sát tranh trong SHS. GV đặt từng câu hỏi cho HS trả lời: *Các em nhìn thấy những ai trong tranh? Những người đó mặc trang phục gì? Trang phục của họ cho thấy thời tiết như thế nào?* (Gợi ý: Tranh thể hiện thời tiết nóng và lạnh.)
- Một số (2 – 3) HS trả lời những câu hỏi trên và có thể đặt câu hỏi về thời tiết.
- HS nói về thời tiết khi nóng và lạnh. HS cần ăn mặc hay cần chú ý điều gì khi nóng và lạnh. Kết nối với nội dung bài đọc: Trời ấm, hoa đào nở, chim én bay về,... GV mở rộng: giúp HS hiểu được con người, cũng như động vật, cây cối,... cần thay đổi để phù hợp với thời tiết.

8. Củng cố

- HS tìm một số từ ngữ chứa các vần *et, êt, it* và đặt câu với từ ngữ tìm được.
- GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.
- GV lưu ý HS ôn lại các vần *et, êt, it* và khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà.